

Số: 1415 /QĐ-UBND

Ninh Hòa, ngày 14 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu Dự toán điều chỉnh năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND thị xã Ninh Hòa về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và Dự toán điều chỉnh năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND thị xã Ninh Hòa về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng năm 2022; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 và danh mục dự án khởi công mới năm 2023;*

*Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Văn bản 1331 /TC-KH ngày 11/7/2022 về việc công bố công khai số liệu Dự toán điều chỉnh năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu Dự toán điều chỉnh ngân sách thị xã Ninh Hòa năm 2022 (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký. *Trm*

**Nơi nhận:**

- Như điều 2; (VBĐT)
- UBND Tỉnh Khánh Hòa; (VBĐT)
- Sở Tài chính Khánh Hòa; (VBĐT)
- Thường trực Thị ủy; (VBĐT)
- Thường trực HĐND thị xã; (VBĐT)
- Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thị xã; (VBĐT)
- Chủ tịch UBND thị xã; (VBĐT)
- Các Phó Chủ tịch UBND thị xã; (VBĐT)
- Viện Kiểm sát nhân dân thị xã; (VBĐT)
- Tòa án Nhân dân thị xã; (VBĐT)
- UBND các xã, phường; (VBĐT)
- Công TTĐT thị xã;
- Lưu VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Vĩnh Thạnh**

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THỊ XÃ NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 1415 /QĐ-UBND ngày 14 / 7 /2022 của UBND thị xã Ninh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>1.134.805</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách thị xã hưởng theo phân cấp</b>	<b>386.444</b>
	- Thu ngân sách huyện hưởng 100%	118.610
	- Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	267.834
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>618.507</b>
	- Bổ sung cân đối	618.507
	- Bổ sung có mục tiêu	
<b>III</b>	<b>Thu kết dư</b>	<b>5.551</b>
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>	<b>124.303</b>
<b>V</b>	<b>Nguồn CCTL để thực hiện chi tăng lương</b>	
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>1.134.805</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>1.134.805</b>
1	Chi đầu tư phát triển	211.638
2	Chi thường xuyên	811.083
3	Dự phòng	15.145
4	Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã	
5	Chi từ nguồn chuyển nguồn	91.388
6	Chi từ nguồn kết dư	5.551
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
<b>III</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi chuyển nguồn năm sau</b>	

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN  
VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 1445 /QĐ-UBND ngày 14 / 7 /2022 của UBND thị xã Ninh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>	<b>826.117</b>
<b>1</b>	<b>Thu ngân sách Thị xã hưởng theo phân cấp</b>	<b>347.446</b>
	- Thu ngân sách huyện hưởng 100%	100.290
	- Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	247.156
<b>2</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh</b>	<b>396.685</b>
<b>3</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>	<b>80.826</b>
<b>4</b>	<b>Thu kết dư ngân sách huyện</b>	<b>1.160</b>
<b>5</b>	<b>Nguồn CCTL để thực hiện chi tăng lương</b>	
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách cấp huyện</b>	<b>826.117</b>
<b>1</b>	<b>Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện</b>	<b>814.652</b>
<b>2</b>	<b>Dự phòng chi</b>	<b>11.465</b>
<b>3</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH XÃ</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách xã</b>	<b>308.688</b>
<b>1</b>	<b>Thu ngân sách hưởng theo phân cấp</b>	<b>38.998</b>
	- Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%	18.320
	- Các khoản thu phân chia NS cấp xã hưởng theo tỷ lệ %	20.678
<b>2</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách Thị xã</b>	<b>221.822</b>
<b>3</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>	<b>43.477</b>
<b>4</b>	<b>Thu kết dư ngân sách xã</b>	<b>4.391</b>
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách xã</b>	<b>308.688</b>
<b>1</b>	<b>Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách xã theo phân cấp</b>	<b>305.008</b>
<b>2</b>	<b>Dự phòng chi</b>	<b>3.680</b>

## DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số **1415** /QĐ-UBND ngày **14** / **7** /2022 của UBND thị xã Ninh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN	
		Tổng thu NSNN	Tổng thu Ns huyện
	<b>TỔNG SỐ THU NSNN</b>	<b><u>418.600</u></b>	<b><u>386.444</u></b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>418.600</b>	<b>386.444</b>
1	Thu doanh nghiệp địa phương		
2	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	206.700	202.598
	- Thuế giá trị gia tăng	161.860	158.623
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.000	42.140
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	240	235
	- Thuế tài nguyên	1.600	1.600
	- Thu khác ngoài QĐ		
3	Lệ phí trước bạ	33.000	33.000
4	Thuế thu nhập cá nhân	68.200	66.836
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
6	Thu phí và lệ phí	9.850	4.600
7	Thu tiền sử dụng đất	75.000	67.500
8	Thu tiền thuê đất	1.600	60
9	Thuế nhà đất (Thuế SDD phi NN)	150	150
10	Thu khác ngân sách	15.400	4.700
11	Thu quỹ đất công và hoa lợi công sản	7.000	7.000
12	Thuế bảo vệ môi trường		
13	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	1.700	
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>		

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 1415 /QĐ-UBND ngày 14 / 7 /2022 của UBND thị xã Ninh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Ngân sách huyện	Trong đó	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>1.134.805</b>	<b>826.117</b>	<b>308.688</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>1.134.805</b>	<b>826.117</b>	<b>308.688</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>211.638</b>	<b>158.543</b>	<b>53.095</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	211.638	158.543	53.095
2	Chi đầu tư phát triển khác			
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>908.022</b>	<b>656.109</b>	<b>251.913</b>
	Trong đó:			
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	386.599	385.411	1.188
	Chi khoa học và công nghệ		10	
	Chi từ nguồn chuyển nguồn	91.388	47.911	43.477
	Chi từ nguồn kết dư	5.551	1.160	4.391
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>15.145</b>	<b>11.465</b>	<b>3.680</b>
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>0</b>		
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>			
<b>I</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)			
<b>II</b>	<b>Chi cho các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)			
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>			

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC  
NĂM 2022**

*(Kèm theo Quyết định số 1415 /QĐ-UBND ngày 14 / 7 /2022 của UBND thị xã Ninh Hòa)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>1.134.805</b>
<b>A</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC</b>	<b>1.134.805</b>
	<i>Trong đó:</i>	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>211.638</b>
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>908.022</b>
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	386.599
2	Chi khoa học và công nghệ	10
3	Chi y tế, dân số và gia đình	11.730
4	Chi văn hóa thông tin	4.860
5	Chi truyền thanh truyền hình	1.629
6	Chi thể dục thể thao	1.483
7	Chi hoạt động môi trường	14.279
8	Chi các hoạt động kinh tế	77.979
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	156.068
10	Chi đảm bảo xã hội	115.327
11	Chi quốc phòng	29.475
12	Chi an ninh	6.958
13	Chi Chương trình MTQG nông thôn mới	
14	Chi khác	4.686
15	Chi từ nguồn chuyên nguồn	91.388
16	Chi từ nguồn kết dư	5.551
<b>III</b>	<b>Dự phòng chi</b>	<b>15.145</b>
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	
<b>B</b>	<b>Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau</b>	
<b>C</b>	<b>Chi từ nguồn để lại đơn vị chi</b>	
<b>D</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>	



**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số **415** /QĐ-UBND ngày **14** / **7** /2022 của UBND thị xã Ninh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó											
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục, thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động cầu cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội
											Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>25.711</b>	<b>41.492</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>13.024</b>	<b>1.375</b>	<b>0</b>	<b>1.000</b>	<b>30.446</b>	<b>15.533</b>	<b>2.358</b>	<b>8.367</b>	<b>0</b>
1	Văn phòng HĐND và UBND	2.875					1.375			0			1.500	
2	Phòng Quản lý đô thị	8.204								6.096			2.108	
3	Phòng Giáo dục - Đào tạo	28.774	28.774							0				
4	Thị ủy	1.500								0			1.500	
5	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	24				24				0				
6	Ban Quản lý dự án các CTXD	42.620	12.725			13.000				15.895	13.533	32	1.000	
7	Trung tâm phát triển quỹ đất	3.170								3.170				
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.000							1.000					
9	UBND xã phường	7.544								5.285	2.000	2.326	2.259	

**DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số **1445** /QĐ-UBND ngày **14** / **7** /2022 của UBND thị xã Ninh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó													
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi an ninh quốc phòng	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục, thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động cầu cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội	Chi khác
												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>591.202</b>	<b>381.196</b>	<b>6.737</b>	<b>10</b>	<b>11.595</b>	<b>3.929</b>	<b>1.008</b>	<b>884</b>	<b>799</b>	<b>47.265</b>	<b>2.969</b>	<b>8.281</b>	<b>40.386</b>	<b>88.240</b>	<b>9.152</b>
1	Văn phòng HDND và UBND	5.922												5.922		
2	Phòng Nội vụ	7.400												7.400		
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2.121												1.676		445
4	Phòng Kinh tế	4.480			10						3.471		2.418	999		
5	Phòng Quản lý đô thị	24.844									23.967	272		876		
6	Phòng Tư pháp	782												782		
7	Thanh tra	1.157												1.157		
8	Phòng Tài nguyên - Môi trường	3.280								159	2.052			1.069		
9	Phòng Lao động - TBXH	89.493	118											1.211	88.164	
10	Phòng Giáo dục - Đào tạo	381.867	379.855											2.012		
11	Phòng Văn hóa - Thông tin	2.603				1.995								608		
12	Phòng Y tế	516												428		88
13	Phòng Dân tộc	591												564	27	
14	Thị ủy	9.227												9.227		
15	Ủy ban Mặt trận TQVN thị xã	1.175												1.126	49	
16	Thị đoàn	1.281												1.281		
17	Hội Liên hiệp Phụ nữ	1.118												1.118		
18	Hội Nông dân	1.828												1.228		600
19	Hội Cựu chiến binh	740												740		
20	Hội Đông y	206												206		
21	Hội Chữ thập đỏ	198												198		
22	Hội Người cao tuổi	71												71		
23	Hội Nạn nhân chất độc da cam	172												172		
24	Hội Người mù	224												224		
25	Hội Khuyến học	92												92		
27	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	3.254					1.362	1.008	884							
28	Nhà Thiếu nhi	572					572									
29	Trung tâm chính trị	1.223	1.223													
30	Văn phòng Đăng ký QSD đất	0														
31	Ban Quản lý dự án các CTXD	2.697									2.697	2.697				

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó													
			Chi giáo dục - đào tạo và đầy nghề	Chi an ninh quốc phòng	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tín	Chi thể dục, thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động câu lạc bộ quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội	Chi khác
												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		
32	Trung tâm phát triển quỹ đất	1.715									1.715					
33	Ban Chỉ huy Quân sự thị xã	5.589		5.589												
34	Công an thị xã	1.148		1.148												
35	Trạm Khuyến nông	1.546									1.546	1.546				
36	Bảo hiểm xã hội	11.595				11.595										
37	Kho bạc Ninh Hòa	4.317									4.317	4.317				
38	Ngân hàng chính sách	1.519													1.519	
39	UBND xã phường	7.140								640					6.500	
40	Sự nghiệp kinh tế khác	7.500									7.500					

**DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND thị xã Ninh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp		Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Chi bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Thu kết dư năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã	
			Tổng số	Chia ra						
				Thu ngân sách xã hưởng 100%						Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>308.689</b>	<b>38.998</b>	<b>11.500</b>	<b>27.498</b>	<b>221.822</b>	<b>0</b>	<b>43.477</b>	<b>4.391</b>	<b>325.194</b>
1	Ninh Diêm	8.161	1.939	577	1.362	5.869		353	0	13.401
2	Ninh Đa	10.389	2.141	1.175	966	7.459		667	122	14.338
3	Ninh Giang	12.572	1.521	550	971	6.988		3.486	578	14.724
4	Ninh Hà	9.556	505	238	267	8.349		581	121	8.630
5	Ninh Hải	9.446	1.120	105	1.015	7.796		268	262	8.713
6	Ninh Hiệp	21.321	9.568	692	8.876	6.522		5.231	0	14.155
7	Ninh Thủy	15.403	1.146	158	988	7.493		6.527	238	18.195
8	Ninh An	17.725	1.265	242	1.023	15.518		942	0	12.601
9	Ninh Bình	10.218	1.114	258	856	7.489		1.412	203	12.089
10	Ninh Đông	7.621	782	477	305	5.975		836	28	8.959
11	Ninh Hưng	8.289	574	337	237	5.955		1.760		8.669
12	Ninh Ích	9.829	956	362	594	7.980		893		14.067
13	Ninh Lộc	11.811	922	559	363	8.222		2.625	41	17.134
14	Ninh Phú	10.807	860	458	402	8.957		989		15.252
15	Ninh Phụng	10.605	1.562	445	1.117	7.943		222	878	14.727
16	Ninh Phước	8.412	821	145	676	6.161		1.431		9.152
17	Ninh Sim	18.375	1.400	266	1.134	15.549		1.221	204	10.073
18	Ninh Sơn	8.181	783	442	341	6.502		829	68	10.349
19	Ninh Quang	10.550	1.672	653	1.019	8.226		583	69	12.054
20	Ninh Tân	8.886	488	131	357	6.170		2.152	76	7.919
21	Ninh Tây	11.008	560	77	483	6.218		3.469	760	9.580
22	Ninh Thân	9.633	871	628	243	7.113		1.020	629	9.540
23	Ninh Thọ	18.040	1.534	539	995	14.990		1.516		12.357
24	Ninh Thượng	9.662	945	618	327	6.715		2.001		8.980
25	Ninh Trung	8.249	1.211	962	249	5.909		1.093	36	10.909
26	Ninh Vân	7.421	338	99	239	6.051		1.032		7.759
27	Ninh Xuân	16.521	2.400	307	2.093	13.705		339	77	20.867

**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO  
NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2022**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 14 / 7/2022 của UBND thị xã Ninh Hòa)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	ĐƠN VỊ	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>34.921</b>	<b>5.775</b>	<b>29.146</b>	<b>0</b>
1	Ninh Diêm	1.309	0	1.309	
2	Ninh Đa	2.277	500	1.777	
3	Ninh Giang	1.001	0	1.001	
4	Ninh Hà	2.022	0	2.022	
5	Ninh Hải	2.044	0	2.044	
6	Ninh Hiệp	6.148	0	6.148	
7	Ninh Thủy	1.630	0	1.630	
8	Ninh An	1.025	500	525	
9	Ninh Bình	1.319	0	1.319	
10	Ninh Đông	483	0	483	
11	Ninh Hưng	175	0	175	
12	Ninh Ích	1.262	500	762	
13	Ninh Lộc	1.046	0	1.046	
14	Ninh Phú	1.678	1.160	518	
15	Ninh Phụng	1.941	0	1.941	
16	Ninh Phước	251	0	251	
17	Ninh Sim	890	0	890	
18	Ninh Sơn	912	500	412	
19	Ninh Quang	1.726	0	1.726	
20	Ninh Tân	1.360	1.115	245	
21	Ninh Tây	554	0	554	
22	Ninh Thân	946	500	446	
23	Ninh Thọ	350	0	350	
24	Ninh Thượng	986	500	486	
25	Ninh Trung	269	0	269	
26	Ninh Vân	660	500	160	
27	Ninh Xuân	659	0	659	

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1415 /QĐ-UBND ngày 17 / 7 /2022 của UBND thị xã Ninh Hòa)

STT	Danh mục dự án ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (+), (-)				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
				Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác
	<b>TỔNG SỐ</b>		165.492	71.832	60.000	33.660	46.146	0	0	46.146	211.638	71.832	60.000	79.806
<b>A</b>	<b>THỊ XÃ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ</b>		88.993	58.172	30.821	0	69.550	0	29.179	40.371	158.543	58.172	60.000	40.371
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>		14.610	14.610	0	0	255	0	0	255	14.865	14.610	0	255
1	Đường Minh Mạng, thị xã Ninh Hòa (giai đoạn 2)	Ban QLDA các CTXD	5.000	5.000			0				5.000	5.000	0	0
2	Nâng cấp mở rộng đường bê tông nhựa đoạn từ QL1A đến giáp ranh giới xã Ninh Đông	UBND phường Ninh Đa	2.000	2.000			0				2.000	2.000	0	0
3	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường KDC phía bắc phường Ninh Hiệp	Ban QLDA các CTXD	3.500	3.500			0				3.500	3.500	0	0
4	Đường liên xã Bình-Quang-Hung (đoạn từ đường cong vào chùa Hội Phước đến giáp Tinh lộ 5)	Ban QLDA các CTXD	710	710			0				710	710	0	0
5	Nâng cấp, mở rộng đường Ninh Hiệp - Ninh Bình, đoạn từ giáp đường Trần Quý Cáp đến giáp đường liên xã Bình - Quang - Hưng	Ban QLDA các CTXD	2.000	2.000			0				2.000	2.000	0	0
6	Đường Võ Văn Ký	Ban QLDA các CTXD	0				0				0	0	0	0
7	Đường vào nghĩa trang liệt sĩ Ninh Hòa - Vạn Ninh	Ban QLDA các CTXD	0				255			255	255	0	0	255
8	Xây dựng cầu Sáu	Ban QLDA các CTXD	1.400	1.400			0				1.400	1.400	0	0
<b>II</b>	<b>Giáo dục, đào tạo</b>		13.700	13.700	0	0	21.900	1.000	20.900	0	35.600	14.700	20.900	0
1	Xây dựng 15 phòng học và công trình phụ trợ Trường THCS Trần Quốc Tuấn	Ban QLDA các CTXD	3.000	3.000			0				3.000	3.000	0	0
2	Xây dựng nhà văn phòng và công trình phụ trợ Trường mầm non Ninh Ích	Phòng GD&ĐT	1.000	1.000			0				1.000	1.000	0	0
3	Xây dựng Trường mầm non Ninh Lộc	Phòng GD&ĐT	960	960			0				960	960	0	0
4	Xây dựng Trường THCS Lê Thánh Tông	Phòng GD&ĐT	680	680			0				680	680	0	0
5	Xây dựng Trường tiểu học Ninh Lộc	Phòng GD&ĐT	1.000	1.000			490		490		1.490	1.000	490	0

STT	Danh mục dự án ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (+), (-)				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			
			Tổng số các nguồn vốn	Trong đó:			Tổng số các nguồn vốn	Trong đó:			Tổng số các nguồn vốn	Trong đó:		
				Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác
6	Xây dựng Trường mầm non Ninh Xuân	Phòng GD&ĐT	580	580			0				580	580	0	0
7	Xây dựng Trường tiểu học số 2 Ninh Xuân	Phòng GD&ĐT	1.000	1.000			1.000	1.000			2.000	2.000	0	0
8	Xây dựng Trường THCS Lý Thường Kiệt	Phòng GD&ĐT	880	880			0				880	880	0	0
9	Xây dựng 02 phòng học và công trình phụ trợ Trường mầm non Ninh Đông	Phòng GD&ĐT	800	800			0				800	800	0	0
10	Xây dựng 02 phòng học và công trình phụ trợ Trường mầm non Ninh Phụng	Phòng GD&ĐT	800	800			0				800	800	0	0
11	Xây dựng 04 phòng học và công trình phụ trợ Trường mầm non Ninh Sơn	Ban QLDA các CTXD	3.000	3.000			0				3.000	3.000	0	0
12	Xây dựng Trường mầm non Ninh Thượng (04 Phòng học, Khối hành chính quản trị, khối phụ trợ)	Phòng GD&ĐT	0				3.000		3.000		3.000	0	3.000	0
13	Xây dựng 11 phòng học và công trình phụ trợ Trường THCS Nguyễn văn Cừ	Ban QLDA các CTXD	0				1.400		1.400		1.400	0	1.400	0
14	Xây dựng Trường tiểu học Ninh Phú (03 phòng học, phòng học bộ môn, phòng thiết bị, nhà vệ sinh học sinh, sửa chữa phòng học)	Phòng GD&ĐT	0				1.300		1.300		1.300	0	1.300	0
15	Xây dựng Trường mầm non Ninh Thọ (Sửa chữa phòng học, sân chơi thể dục thể thao)	Phòng GD&ĐT	0				740		740		740	0	740	0
16	Xây dựng Trường THCS Trần Quang Khải (Phòng học đa năng, khối hành chính, quản trị, khối phụ trợ, nhà vệ sinh học sinh, sửa chữa phòng học)	Phòng GD&ĐT	0				2.000		2.000		2.000	0	2.000	0
17	Xây dựng Trường mầm non Ninh An (Khối hành chính quản trị, khối phụ trợ).	Phòng GD&ĐT	0				1.060		1.060		1.060	0	1.060	0
18	Xây dựng Trường tiểu học Ninh An (06 phòng học, phòng bộ môn, phòng thiết bị)	Phòng GD&ĐT	0				1.300		1.300		1.300	0	1.300	0
19	Xây dựng Trường THCS Phạm Ngũ Lão (Phòng học đa năng, Phòng học bộ môn, phòng thiết bị, phòng họp, phòng Y tế, phòng truyền thống, đoàn, đội, sân chơi thể thao)	Phòng GD&ĐT	0				2.000		2.000		2.000	0	2.000	0
20	Xây dựng Trường tiểu học Ninh Đông (Phòng học bộ môn, Phòng thiết bị, Sửa chữa phòng học - khối hành chính - quản trị)	Phòng GD&ĐT	0				760		760		760	0	760	0



STT	Danh mục dự án ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (+), (-)				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			
			Tổng số các nguồn vốn	Trong đó:			Tổng số các nguồn vốn	Trong đó:			Tổng số các nguồn vốn	Trong đó:		
				Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác
21	Xây dựng 06 phòng học và công trình phụ trợ Trường mầm non Ninh Phú	Ban QLDA các CTXD	0				3.000		3.000		3.000	0	3.000	0
22	Xây dựng Trường THCS Trương Định (Phòng học đa năng, phòng học bộ môn, phòng thiết bị, nhà vệ sinh học sinh, sửa chữa phòng học)	Phòng GD&ĐT	0				1.650		1.650		1.650	0	1.650	0
23	Xây dựng Trường tiểu học Ninh Thượng (04 phòng học, phòng thiết bị, nhà vệ sinh học sinh, giáo viên, sân chơi thể dục thể thao)	Phòng GD&ĐT	0				550		550		550	0	550	0
24	Xây dựng Trường THCS Ngô Thị Nhậm (Phòng học đa năng, Phòng học bộ môn, phòng thư viện, phòng thiết bị)	Phòng GD&ĐT	0				1.650		1.650		1.650	0	1.650	0
<b>IV</b>	<b>Văn hóa</b>		<b>13.000</b>	<b>13.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>13.000</b>	<b>13.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Quảng trường 2/4 thị xã Ninh Hòa	Ban QLDA các CTXD	13.000	13.000			0				13.000	13.000	0	0
<b>V</b>	<b>Công nghệ thông tin</b>		<b>1.375</b>	<b>1.375</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.375</b>	<b>1.375</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Lắp đặt thiết bị phục vụ hội nghị trực tuyến thị xã Ninh Hòa	VP HĐND và UBND	1.375	1.375			0				1.375	1.375	0	0
<b>VI</b>	<b>Quản lý nhà nước</b>		<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Hội trường Trung tâm hành chính phường Ninh Diêm	UBND phường Ninh Diêm	2.000	2.000			0				2.000	2.000	0	0
<b>VII</b>	<b>Công cộng, hạ tầng kỹ thuật đô thị</b>		<b>6.500</b>	<b>3.330</b>	<b>3.170</b>	<b>0</b>	<b>6.096</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6.096</b>	<b>12.596</b>	<b>3.330</b>	<b>3.170</b>	<b>6.096</b>
1	Cải tạo vỉa hè đường Trần Quý Cáp (đoạn Vòng xoay trước UBND thị xã đến Ngã 3 trong)	Ban QLDA các CTXD	2.330	2.330			0				2.330	2.330	0	0
2	Cải tạo hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn thị xã	Phòng QLĐT	1.000	1.000			696			696	1.696	1.000	0	696
3	Cơ sở hạ tầng khu dân cư (khu 4) tổ dân phố Phước Đa 1 và tổ dân phố Mỹ Lệ	Trung tâm PTQĐ	1.320		1.320		0				1.320	0	1.320	0
4	Cơ sở hạ tầng khu dân cư (khu 1) thôn Vĩnh Thạnh	Trung tâm PTQĐ	1.500		1.500		0				1.500	0	1.500	0
5	Cơ sở hạ tầng khu dân cư (khu 2) thôn Vĩnh Thạnh	Trung tâm PTQĐ	250		250		0				250	0	250	0
6	Cơ sở hạ tầng khu dân cư (khu 1) tổ dân phố Vạn Thiện	Trung tâm PTQĐ	100		100		0				100	0	100	0
7	Xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng công cộng đoạn từ QL1A đến giáp xã Ninh Động	Phòng QLĐT	0				1.100			1.100	1.100	0	0	1.100

STT	Danh mục dự án ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (+), (-)				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
				Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác
8	Xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng công cộng từ nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Quang Đông đến giáp cầu đường sắt phường Ninh Hiệp	Phòng QLĐT	0				1.100			1.100	1.100	0	0	1.100
9	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Gia đến nhà ông Cao Khả Anh, từ nhà bà Nguyễn Thị Đay đến nhà ông Phan Nhận, từ nhà ông Mai Hữu Sung đến nhà ông Nguyễn Châu	Phòng QLĐT	0				1.100			1.100	1.100	0	0	1.100
10	Điện chiếu sáng đường Nguyễn Huệ đoạn từ cổng huyện đến nút giao đường sắt	Phòng QLĐT	0				1.100			1.100	1.100	0	0	1.100
11	Hố chôn lấp rác thải sinh hoạt tại bãi rác Hòn Rọ	Phòng TNMT	0				1.000			1.000	1.000	0	0	1.000
<b>VIII</b>	<b>Vốn duy tu bảo dưỡng công trình</b>		<b>5.000</b>	<b>5.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Công thôn Tuân Thừa, xã Ninh Bình	UBND xã Ninh Bình	1.000	1.000			0				1.000	1.000	0	0
2	Sửa chữa Nhà làm việc khối Mặt trận và Đoàn thể thị xã	Ban QLDA các CTXD	0	0			1.000	1.000			1.000	1.000		
3	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ UBND thị xã Ninh Hòa	VP HĐND và UBND	0				1.500	1.500			1.500	1.500	0	0
4	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Thị ủy Ninh Hòa	VP Thị ủy	0				1.500	1.500			1.500	1.500	0	0
5	Vốn chưa phân bổ		4.000	4.000			-4.000	-4.000			0	0	0	0
<b>IX</b>	<b>Vốn quyết toán và chuẩn bị đầu tư</b>		<b>4.157</b>	<b>4.157</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.445</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.445</b>	<b>7.602</b>	<b>4.157</b>	<b>0</b>	<b>3.445</b>
1	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1	Phòng GD&ĐT	2.049	2.049			0				2.049	2.049	0	0
2	Quy hoạch phân khu Khu trung tâm phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (Điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu trung tâm thị trấn Ninh Hòa, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa)	P. Quản lý Đô thị	2.108	2.108			0				2.108	2.108	0	0
3	Kè khắc phục sạt lở bờ sông Tân Lâm (đoạn tiếp giáp Kè sông Tân Lâm đã đầu tư đến tràn Mông Phú xã Ninh Trung)	Ban QLDA các CTXD	0				32			32	32	0	0	32
4	Đường Sông Cạn, đoạn nối dài đến giáp đường 2/4	Ban QLDA các CTXD	0				3			3	3	0	0	3
5	Bảo trì, sửa chữa Trường mầm non, Tiểu học, THCS	Phòng GD&ĐT	0				138			138	138	0	0	138
6	Xây dựng 04 phòng học trường Tiểu học số 1 Ninh Phụng	Phòng GD&ĐT	0				352			352	352	0	0	352

STT	Danh mục dự án ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (+), (-)				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
				Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác
7	Xây dựng nhà văn phòng Trường Mầm non Ninh Giang	Phòng GD&ĐT	0			62			62	62	0	0	62	
8	Xây dựng 10 phòng học và công trình phụ trợ trường THCS Phạm Ngũ Lão	Phòng GD&ĐT	0			321			321	321	0	0	321	
9	Xây dựng nhà văn phòng và công trình phụ trợ Trường Tiểu học Ninh Hà	Phòng GD&ĐT	0			110			110	110	0	0	110	
10	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh An	Phòng GD&ĐT	0			190			190	190	0	0	190	
11	Xây dựng nhà văn phòng và công trình phụ trợ Trường Mầm non Ninh Lộc	Phòng GD&ĐT	0			153			153	153	0	0	153	
12	Xây dựng nhà văn phòng và công trình phụ trợ Trường THCS Đinh Tiên Hoàng	Phòng GD&ĐT	0			12			12	12	0	0	12	
13	Xây dựng, sửa chữa các Trường Mầm non, Tiểu học, THCS	Phòng GD&ĐT	0			10			10	10	0	0	10	
14	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sơn	Phòng GD&ĐT	0			32			32	32	0	0	32	
15	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Thủy	Phòng GD&ĐT	0			3			3	3	0	0	3	
16	Xây dựng, sửa chữa các điểm Trường Tiểu học và mẫu giáo Ninh Tân	Phòng GD&ĐT	0			11			11	11	0	0	11	
17	Xây dựng 04 phòng học và công trình phụ trợ Trường Tiểu học số 2 Ninh Hiệp	Phòng GD&ĐT	0			12			12	12	0	0	12	
18	Xây dựng 05 phòng học và công trình phụ trợ Trường Tiểu học số 1 Ninh Ích	Phòng GD&ĐT	0			4			4	4	0	0	4	
19	Bảo trì, SC các trường mầm Non năm 2021	Phòng GD&ĐT	0			37			37	37	0	0	37	
20	Xây dựng 08 phòng học và công trình phụ trợ Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	Phòng GD&ĐT	0			4			4	4	0	0	4	
21	Mua sắm trang thiết bị âm thanh, ánh sáng và sân khấu di động cho Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao thị xã Ninh Hòa	Trung tâm VH-TTTT	0			24			24	24	0	0	24	
22	Trung tâm hành chính phường Ninh Diêm	UBND phường Ninh Diêm	0			259			259	259	0	0	259	
23	Cổng chào xã Ninh Sơn	UBND xã Ninh Sơn				350			350	350			350	
24	Nâng cấp, sửa chữa kênh nhánh N4	UBND xã Ninh Đông	0			909			909	909	0	0	909	

STT	Danh mục dự án ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022				Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (+), (-)				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
				Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác
25	Hệ thống nước tự chảy từ hồ Con Rùa về thôn Suối Sâu xã Ninh Tân	UBND xã Ninh Tân	0				163			163	163	0	0	163
26	Đường GTNT đoạn từ công Suối Tre đến nhà Sinh Hoạt cộng đồng khu C2 thôn Xóm Mới	UBND xã Ninh Tây	0				84			84	84	0	0	84
27	Cấp nước sạch tự chảy xã Ninh Vân	UBND xã Ninh Vân	0				170			170	170	0	0	170
XI	Đổi ứng Chương trình phát triển nguồn nhân lực		21.900	1.000	20.900		-21.900	-1.000	-20.900		0	0	0	0
XII	Đổi ứng xây dựng nông thôn mới và đổi ứng khác		6.751		6.751		17.692		17.692	24.443	0	6.751	17.692	
XIII	Hỗ trợ vốn cho cấp xã từ nguồn thu tiền sử dụng đất						29.179		29.179	29.179	0	29.179	0	
XIV	Hoàn trả ngân sách tỉnh giảm năm 2021						9.210		9.210	9.210	0	0	9.210	
XV	Chuyển nguồn		0	0	0	0	3.673	0	0	3.673	3.673	0	0	3.673
1	Đường Võ Văn Ký	Ban QLDA các CTXD					75			75	75	0	0	75
2	Chợ phường Ninh Hà	UBND phường Ninh Hà					609			609	609	0	0	609
3	Xây dựng 15 phòng học và công trình phụ trợ Trường THCS Trần Quốc Tuấn	Ban QLDA các CTXD					2.325			2.325	2.325	0	0	2.325
4	Nâng cấp, mở rộng đường Ninh Hiệp - Ninh Bình, đoạn từ giáp đường Trần Quý Cáp đến giáp đường liên xã Bình - Quang - Hưng	Ban QLDA các CTXD					590			590	590	0	0	590
5	Bảo trì, sửa chữa trường Mầm non, tiểu học, THCS 2020	Phòng GD&ĐT					11			11	11	0	0	11
6	Xây dựng nhà văn phòng Trường Tiểu học Ninh Hưng	Phòng GD&ĐT					19			19	19	0	0	19
7	Xây dựng nhà văn phòng và công trình phụ trợ Trường Mầm non Ninh Phụng	Phòng GD&ĐT					21			21	21	0	0	21
8	Xây dựng nhà văn phòng và công trình phụ trợ Trường THCS Trương Định	Phòng GD&ĐT					23			23	23	0	0	23
<b>B</b>	<b>CẤP XÃ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ</b>		<b>76.499</b>	<b>13.660</b>	<b>29.179</b>	<b>33.660</b>	<b>-23.404</b>	<b>0</b>	<b>-29.179</b>	<b>5.775</b>	<b>53.095</b>	<b>13.660</b>	<b>0</b>	<b>39.435</b>
1	Nguồn vốn XDCB tập trung		13.660	13.660			0				13.660	13.660	0	0
2	Nguồn cấp quyền sử dụng đất		29.179		29.179		-29.179		-29.179		0	0	0	0
3	Nguồn đóng góp cấp xã		0				0				0	0	0	0
3	Nguồn quỹ đất công		0				0				0	0	0	0

STT	Danh mục dự án ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022			Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (+), (-)			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
				Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDB	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDB	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDB	Nguồn vốn khác
4	Nguồn chuyển nguồn		0			0			0	0	0	0		
3	Nguồn vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng các xã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V		33.660	0	0	33.660	0	0	0	0	33.660	0	0	33.660
	<b>Xã Ninh Thọ</b>		<b>8.415</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.415</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.415</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.415</b>
	Nâng cấp, bổ sung hệ thống điện chiếu sáng thôn Lạc Ninh, đoạn từ TL7 đến ngã tư Lạc Bình	UBND xã Ninh Thọ	1.130			1.130	0				1.130	0	0	1.130
	Hệ thống điện chiếu sáng thôn Chánh Thanh, đoạn từ nhà ông Hòa đến Tỉnh lộ 1A	UBND xã Ninh Thọ	1.130			1.130	0				1.130	0	0	1.130
	Hệ thống điện chiếu sáng thôn Ninh Điền, đoạn từ nhà ông Thành đến nhà bà Nhiều	UBND xã Ninh Thọ	845			845	0				845	0	0	845
	Hệ thống điện chiếu sáng thôn Xuân Phong, đoạn từ QL1A đến nhà ông Cư	UBND xã Ninh Thọ	960			960	0				960	0	0	960
	Hệ thống điện chiếu sáng thôn Bình Sơn, đoạn từ TL1A đến núi Lò Vôi	UBND xã Ninh Thọ	935			935	0				935	0	0	935
	Nâng cấp, mở rộng đường vào trung tâm xã Ninh Thọ, đoạn từ QL1A đến TL7	UBND xã Ninh Thọ	3.415			3.415	0				3.415	0	0	3.415
	<b>Xã Ninh Sim</b>		<b>8.415</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.415</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.415</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.415</b>
	Nâng cấp trụ sở UBND xã Ninh Sim	UBND xã Ninh Sim	135			135	0				135	0	0	135
	Nâng cấp các tuyến đường thôn Tân Khánh I (đường số 1,2,3,4,5)	UBND xã Ninh Sim	79			79	0				79	0	0	79
	Nâng cấp các tuyến đường thôn Tân Khánh II và Tân Lập (đoạn QL26 đến nhà bà Thê; đoạn phía Tây, Đông nhà thờ)	UBND xã Ninh Sim	219			219	0				219	0	0	219
	Nâng cấp hội trường UBND xã Ninh Sim	UBND xã Ninh Sim	5.800			5.800	0				5.800	0	0	5.800
	Nâng cấp các tuyến đường thôn Tân Khánh I; nhánh 1 đường chùa, nhánh 2 đường ngang 1, nhánh 2 đường ngang 2	UBND xã Ninh Sim	1.169			1.169	0				1.169	0	0	1.169
	Nâng cấp các tuyến đường thôn Lam Sơn và Tân Lập, nhánh 1 QL26 đến nhà ông Nguyễn Ray, nhánh 2 QL26 đến nhà ông Cao Văn Nhân, nhánh 3 QL26 đến hội trường thôn Tân Lập	UBND xã Ninh Sim	1.013			1.013	0				1.013	0	0	1.013

STT	Danh mục dự án ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022			Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (+), (-)				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh				
			Tổng số các nguồn vốn	Trong đó:			Tổng số các nguồn vốn	Trong đó:			Tổng số các nguồn vốn	Trong đó:		
				Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác
	<b>Xã Ninh Xuân</b>		<b>8.415</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.415</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.415</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.415</b>
	Nâng cấp đường BTXM và hệ thống thoát nước QL26 đến Hội trường thôn Phước Lâm	UBND xã Ninh Xuân	475			475	0				475	0	0	475
	Hệ thống điện chiếu sáng đoạn từ QL26 đến công Làng văn hóa thôn Phước Lâm	UBND xã Ninh Xuân	950			950	0				950	0	0	950
	Hệ thống điện chiếu sáng đoạn từ QL26 đến nhà ông Sơn Đen thôn Phước Lâm	UBND xã Ninh Xuân	380			380	0				380	0	0	380
	Bóc mộ, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng sân vận động xã Ninh Xuân	UBND xã Ninh Xuân	1.140			1.140	-1.140			-1.140	0	0	0	0
	Nâng cấp BTXM đoạn từ QL26 đến Đập Đúc sông Cái thôn Vân Thạch	UBND xã Ninh Xuân	0			0	1.140			1.140	1.140	0	0	1.140
	Hệ thống điện chiếu sáng đoạn KDC trước nhà máy đường Ninh Hòa	UBND xã Ninh Xuân	950			950	0				950	0	0	950
	Mặt bằng BTXM và hệ thống thoát nước khu chợ Ninh Xuân	UBND xã Ninh Xuân	955			955	0				955	0	0	955
	Xây dựng kho lưu trữ UBND xã Ninh Xuân	UBND xã Ninh Xuân	162			162	0				162	0	0	162
	Xây dựng chợ xã Ninh Xuân	UBND xã Ninh Xuân	496			496	0				496	0	0	496
	Hệ thống mương thoát nước khu dân cư trung tâm xã Ninh Xuân	UBND xã Ninh Xuân	131			131	0				131	0	0	131
	Nâng cấp các tuyến đường khu trung tâm xã Ninh Xuân	UBND xã Ninh Xuân	143			143	0				143	0	0	143
	Hệ thống điện chiếu sáng, đoạn từ QL26 Hội trường thôn Phước Lâm đến nhà bà Hiệp	UBND xã Ninh Xuân	900			900	0				900	0	0	900
	Nâng cấp đường BTXM, đoạn từ QL26 đến nhà ông Bùi Trèo thôn Phước Lâm	UBND xã Ninh Xuân	900			900	0				900	0	0	900
	Xây dựng mới tường rào TTVHTT xã Ninh Xuân	UBND xã Ninh Xuân	833			833	0				833	0	0	833
	<b>Xã Ninh An</b>		<b>8.415</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.415</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.415</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.415</b>
	Sửa chữa nhà làm việc UBND xã Ninh An	UBND xã Ninh An	1.100			1.100	0				1.100	0	0	1.100
	Sửa chữa nhà làm việc Đoàn thể UBND xã Ninh An	UBND xã Ninh An	1.135			1.135	0				1.135	0	0	1.135
	Hệ thống điện chiếu sáng đường liên xã Ninh An - Ninh Đông đi kênh N4 thôn Lạc Hòa	UBND xã Ninh An	640			640	0				640	0	0	640

STT	Danh mục dự án ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022			Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (+), (-)			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
				Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác
	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng đường liên xã Ninh An - Ninh Đông đoạn từ tràn Sơn Lộc đến cầu Năm Lại	UBND xã Ninh An	970			970	0				970	0	0	970
	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM từ nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ngọc Sơn đến nhà ông Hải	UBND xã Ninh An	1.175			1.175	0				1.175	0	0	1.175
	Đường vào nghĩa trang Hòn Rọ	UBND xã Ninh An	242			242	0				242	0	0	242
	Nâng cấp, sửa chữa đường liên xã Ninh An - Ninh Đông, đoạn từ nhà bà Quý đến giáp tràn Sơn Lộc	UBND xã Ninh An	234			234	0				234	0	0	234
	Hệ thống điện chiếu sáng cộng đồng đường sau lưng UBND xã và Đường D	UBND xã Ninh An	110			110	0				110	0	0	110
	Sửa chữa nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng đường liên xã Ninh An - Ninh Đông, đoạn từ nhà bà Quý đến tràn Sơn Lộc	UBND xã Ninh An	23			23	0				23	0	0	23
	Đường BTXM từ nhà ông Chiến đến nhà ông Đông	UBND xã Ninh An	600			600	0				600	0	0	600
	Hệ thống điện chiếu sáng thôn Phú Gia, đoạn từ nhà ông Hay đến hội trường thôn Phú Gia	UBND xã Ninh An	1.100			1.100	0				1.100	0	0	1.100
	Hệ thống điện chiếu sáng thôn Lạc Hòa, đoạn từ nhà bà Hợp đến nhà ông Phong	UBND xã Ninh An	1.086			1.086	0				1.086	0	0	1.086
<b>4</b>	<b>Nguồn bổ sung có mục tiêu của tỉnh</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.275</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.275</b>	<b>2.275</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.275</b>
	Nâng cấp, mở rộng hồ chứa nước Tiên Du 2	UBND xã Ninh Phú	0				1.160			1.160	1.160	0	0	1.160
	Đường rẫy bà Giàu đến ngã ba Hòn Đá	UBND xã Ninh Tân	0				1.115			1.115	1.115	0	0	1.115
<b>5</b>	<b>Nguồn địa bàn phụ trách thị xã</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.500</b>	<b>3.500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.500</b>
	Kênh tiêu Lù Cây Me đoạn 2, thôn Lạc Hòa	UBND xã Ninh An	0				500			500	500	0	0	500
	xây dựng mái vòm Trường Tiểu học số 1 Ninh Ích	UBND xã Ninh Ích	0				500			500	500	0	0	500
	Kênh rút nhà thờ Mỹ Hoán, xã Ninh Thân	UBND xã Ninh Thân	0				500			500	500	0	0	500
	Nâng cấp và sửa chữa Hội trường UBND xã	UBND xã Ninh Thượng	0				500			500	500	0	0	500

STT	Danh mục dự án ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022			Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (+), (-)			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
				Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn cấp quyền SDD	Nguồn vốn khác
	Đường ngõ xóm thôn Tây	UBND xã Ninh Vân	0			500		500	500	0	0	500		
	Xây dựng BTXM sân trường và công trình phụ trợ trường tiểu học Ninh Sơn	UBND xã Ninh Sơn	0			500		500	500	0	0	500		
	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Lê Ngọc Hải (giáp Ninh Phú) đến giáp nhà bà Trương thị Mười	UBND Phường Ninh Đa	0			500		500	500	0	0	500		

